

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/2/2021.

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP B-TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị P

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Th

Ông Trần Văn Ch

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền -Cán bộ Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. B: Bà Nguyễn Thúy D - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP B có mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2217/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST – HNGĐ ngày 15/01/2021.

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1988

HKTT: Tổ 20, KP H, phường P, TP B, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú tại: G65A, tổ 13, KP7, phường L, TP B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Lê Tiến D, sinh năm 1982

Trú tại: Tổ 20, KP H, phường P, TP B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà B có đơn xin vắng mặt, ông D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2020, các lời khai tại hồ sơ bà Nguyễn Thị B trình bày:**

Bà và ông B kết hôn với nhau năm 2011, hôn nhân tự nguyện có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L,TP. B cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của hai vợ chồng không thống nhất, ông D

thường xuyên bài bạc nợ nần, nhiều lần phải bán nhà trả nợ đi ở trọ, còn đánh đập vợ con tàn nhẫn. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016. Nay xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông D để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có một con chung tên: Lê Phương A, sinh ngày: 05/4/2011.

Ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lê Tiến D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị B và ông Lê Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân thành phố B đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét ông Lê Tiến D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân TP. B tỉnh Đồng Nai tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, do đó Tòa án không thu thập được lời khai của ông Lê Tiến D và không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét bà Nguyễn Thị B là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về Nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Lê Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà B, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông D thường xuyên bài bạc, nợ nần nhiều lần phải bán nhà trả nợ đi ở trọ, ông D còn đánh đập vợ con tàn nhẫn. Từ đó dẫn đến vợ chồng xích mích, hay xảy ra cãi vã thường xuyên, không thể hàn gắn được. Vì vậy nay bà làm đơn xin ly hôn với ông D để trả tự do cho nhau.

Tòa án đã xác minh ngày 23/12/2020 (biên bản xác minh bút lục số 20, 21), địa phương cung cấp ông Lê Tiến D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: tổ 20, KP. Hương Phước, phường P, TP. B, tỉnh Đồng Nai. Về mâu thuẫn gia đình giữa bà B và ông D địa phương không nắm rõ, do bà B và ông D không yêu cầu địa phương hòa giải mâu thuẫn vợ chồng.

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ theo quy định các giấy triệu tập làm việc, thông báo hòa giải để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông D vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị B. Điều đó thể hiện ông D đã bỏ mặc và không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị B.

[2]Về con chung: Có một con chung: Lê Phương Anh, sinh ngày: 05/4/2011.

Hiện cháu Lê Phương Anh đang sống chung với bà B, ông D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến gì, cháu Lê Phương Anh có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bà Nguyễn Thị B. Giao con chung là cháu Lê Phương Anh cho bà B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông D được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3]Về tài sản chung và nợ chung: Do không thu thập được lời khai của ông Lê Tiến D nên không có cơ sở để xác định tài sản chung và nợ chung của vợ chồng và vì bà Nguyễn Thị B không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét tại phiên tòa hôm nay. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện dân sự khác.

[4]Về án phí HNGĐ-ST: Bà Nguyễn Thị B phải chịu tiền án phí xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị B và ông Lê Tiến D

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Phương Anh, sinh ngày: 05/4/2011 cho bà Nguyễn Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Lê Tiến D được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp

nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không đặt ra xem xét.

- **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà **Nguyễn Thị B** phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **Nguyễn Thị B** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006991 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

-Tòa án tỉnh;

-VKSND Tp B;

-Các đương sự;

-Thi hành án;

-Lưu hồ sơ, Vp.

-Cơ quan đã thực hiện
việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị P

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các hội thẩm nhân dân Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa